

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
KHOA QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Mã ngành : 7810201

Thanh Hóa, năm 2019

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 7 năm 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐVTDT ngày 31 tháng 7 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

Ngành/chuyên ngành: Quản trị khách sạn

Trình độ: Cử nhân

Mã số: 7810201

1. Thông tin chung về CTĐT

Trường cấp bằng tốt nghiệp	: Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Tên gọi của văn bằng	: Cử nhân Quản trị khách sạn
Tên CTĐT	: Quản trị khách sạn
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Đối tượng tuyển sinh	: Học sinh THPT hoặc tương đương
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

	<ul style="list-style-type: none"> - Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận hoạch định chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh; - Bộ phận quản trị dự án kinh doanh khách sạn; - Bộ phận quản trị nhân lực doanh nghiệp khách sạn, nhà hàng, Lữ hành; - Các bộ phận nghiệp vụ (Lễ Tân, Buồng, Bàn, Bar, Bếp) tại các khách sạn, nhà hàng; - Bộ phận chăm sóc khách hàng và Marketing du lịch; - Bộ phận quản trị chất lượng dịch vụ. <p>Có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp ở các loại hình và tổ chức doanh nghiệp khác: Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ; các bộ phận quản trị và hoạt động thương mại ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh; các bộ phận R&D ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học; các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.</p>
Học tập nâng cao trình độ	Có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: khả năng tự nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng; khả năng tiếp tục học tập nâng cao lên trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ.
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	7/2019

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn của Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá nhằm mục tiêu đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có kiến thức nền về kinh doanh và quản lý hoạt động kinh doanh, kiến thức chuyên sâu về quản trị khách sạn; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các khách sạn và các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ

quan nghiên cứu, các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau liên quan đến chuyên ngành đào tạo, có khả năng phát triển sang ngành đào tạo khác và cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

**Kiến thức*

M1. Đảm bảo được trang bị kiến thức giáo dục đại cương theo các chương trình đào tạo quốc gia và quốc tế ngành kinh doanh và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014)..

M2. Có kiến thức nền kinh doanh, quản lý và kiến thức chuyên sâu về quản trị khách sạn gồm: Tổng quan khách sạn, Quản trị dịch vụ, quản trị nhân lực căn bản, quản trị chất lượng dịch vụ., Tổ chức sự kiện, Marketing du lịch, Kinh tế khách sạn, Quản trị nghiệp vụ lễ tân khách sạn, Quản trị nghiệp vụ phòng khách sạn, Quản trị ăn uống trong khách sạn và Quản trị buồng.

M3: Có kiến thức bổ trợ liên quan đến một số ngành đào tạo khác và có điều kiện thuận lợi chuyển sang học ngành thứ 2.

**Kỹ năng*

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng chuyên sâu của ngành QTKS.

M4: Kỹ năng lập và triển khai R&D giải quyết các vấn đề quản trị; Hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp; hoạch định và triển khai các tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp khách sạn; lập các chương trình marketing; thực hành các dịch vụ cơ bản của doanh nghiệp khách sạn.

M5. Kỹ năng làm việc theo nhóm, làm báo cáo, trình diễn và truyền thông quản trị doanh nghiệp;

M6. Tiếng Anh đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC; Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn đạt chuẩn của trường..

**Thái độ*

M7. Có ý thức trách nhiệm của người công dân đối với Tổ quốc, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, lòng yêu nghề, tận tụy, say mê với công việc; Ý thức kỷ luật, tự trọng nghề nghiệp cao và tác phong nhanh nhẹn, tháo vát.

M8. Có ý thức vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lĩnh vực du lịch.

M9. Có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp và mong muốn học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

3.1.Kiến thức

* Kiến thức giáo dục đại cương

C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật trong hoạt động kinh doanh khách sạn.

*Kiến thức cơ sở ngành

C2: Phân tích, đánh giá, vận dụng được những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong tổ chức hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh khách sạn nói riêng.

*Kiến thức chuyên ngành

C3: Hiểu, phân tích, đánh giá, vận dụng được những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, thoả mãn nhu cầu khách hàng, đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp khách sạn trong sự phát triển chung của địa phương và đất nước.

C4: Hiểu được những kiến thức về ẩm thực và dinh dưỡng, vận dụng để tạo được sản phẩm thu hút khách du lịch trong hoạt động kinh doanh khách sạn.

C5: Hiểu, phân tích được những kiến thức trong hoạt động nghiên cứu, tổ chức, quản lý, điều hành, kinh doanh khách sạn.

*Kiến thức bổ trợ (nếu có)

C6: Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được chiến lược phát triển kinh doanh bền vững để giảm thiểu các tác động tiêu cực cũng như tối đa hóa các tác động tích cực.

C7: Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được những phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và ứng dụng trong khoa học du lịch nói riêng, từ những phương pháp truyền thống định tính đến những phương pháp hiện đại có sử dụng các công cụ, thiết bị, phần mềm tin học.

3.2.Kỹ năng

C8: Nắm vững các kỹ năng nghiệp vụ trong kinh doanh khách sạn (kỹ năng về buồng, bàn, quầy bar, bếp). Có khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức nghiệp vụ (buồng, bàn, quầy bar, và bếp) vào thực tiễn kinh doanh khách sạn. Vận dụng được kỹ năng thực hành nghề (buồng, bàn, bar, bếp) trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn; biết sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất.

C9: Có khả năng phân loại và tiếp cận các nguồn khách hàng, có khả năng thuyết phục và chia sẻ với khách hàng. Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp một cách chân tình, cởi mở, thẳng thắn. Hiểu và phân tích được hành vi, ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp, làm việc trong các lĩnh vực khác nhau của ngành du lịch, dịch vụ.

C10: Có khả năng xây dựng giải pháp và khuyến nghị để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong thực tiễn quản lý, kinh doanh khách sạn. Có khả năng nắm bắt, hiểu và triển khai các mục tiêu, kế hoạch và văn hóa doanh nghiệp khách sạn trong hoạt động của

doanh nghiệp. Sử dụng thành thạo kỹ năng lập luận, sắp xếp ý tưởng khi lập kế hoạch, dự án trong kinh doanh khách sạn.

C11: Biết xây dựng kế hoạch nghề nghiệp tương lai của cá nhân trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn. Thực hiện, vận dụng linh hoạt kỹ năng tạo động lực làm việc cho bản thân và đồng nghiệp.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C12: Có khả năng làm việc nhóm hoặc độc lập và có kế hoạch cho bản thân; Có tác phong nhanh nhẹn, khoa học, nhạy bén, nhận thức đúng đắn; Có tinh thần học hỏi, năng động, sáng tạo, nhiệt tình, say mê công việc;

C13: Hiểu biết tính chất công việc trong khách sạn để có thái độ kiên trì, nhẫn nại, nhiệt tình phục vụ khách nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách, đồng thời luôn có gắng mang lại chất lượng cao mang tính đồng nhất theo như cam kết.

C14: Nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh doanh khách sạn trong nền kinh tế quốc dân. Có ý thức tổ chức, thực hiện và đo lường hiệu quả hoạt động kinh doanh của khách sạn.

4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra													
	Kiến thức GD ĐC	Kiến thức CSN	Kiến thức chuyên ngành			Kiến thức bổ trợ (nếu có)		Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
M1	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1
M2	1	2	4	3	5	4	4	4	3	3	3	3	3	3
M3	1	2	3	3	3	3	2	3	3	2	3	2	2	2
M4	1	3	5	4	4	4	4	3	4	3	3	3	4	3
M5	1	3	4	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
M6	2	1	3	3	3	4	4	4	4	4	2	2	2	2
M7	2	3	4	5	4	4	3	3	3	3	4	3	3	3
M8	1	4	5	5	5	5	4	5	4	4	4	3	4	3
M9	2	3	5	4	4	5	3	5	5	5	5	3	2	3

***Ghi chú:** Ký hiệu M hoặc C theo số thực tế của mục tiêu và CDR của CTĐT để kê bảng

-Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2- Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo

-Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng

-Đối với năng lực tự chủ và trách nhiệm: 1- Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-

Tính cách

5. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá

kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Cách thiết kế phương pháp của chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn đi theo hướng phát triển năng lực, lấy “Người học là trung tâm”. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực cho người học bằng sự kết hợp cả hoạt động học tập ở trường và ở nhà;

- Phương pháp seminar, thuyết trình, thảo luận: tăng cường tư duy độc lập, khả năng sử dụng ngôn ngữ khối ngành khoa học xã hội;

- Phương pháp học tập dựa vào dự án: giúp người học nâng cao khả năng làm việc nhóm, tư duy giải quyết vấn đề, khơi dậy sự sáng tạo ở người học.

- Phương pháp “lớp học đảo ngược” thích ứng với các mô hình học tập cần sự tra cứu, nghiên cứu tài liệu và chủ động đặt câu hỏi với người dạy để xây dựng tinh thần dân chủ học đường.

- Phương pháp nghiên cứu điển dã: nhấn mạnh yếu tố ứng dụng của học phần, nhất là những học phần có yêu cầu cao về thực hành, trải nghiệm.

5.2. Cách phương thức đánh giá

1. Nguyên tắc đánh giá: Kết quả học tập mỗi học phần của sinh viên được đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra của mỗi học phần và ngành đào tạo.

2. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí:

- a) Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ.

- b) Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình chung của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó tính theo thang điểm 4, với trọng số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- c) Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ đạt từ điểm D trở lên tính từ đầu khóa học.

- d) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình chung tính theo thang điểm 4 của các học phần, được đánh giá bằng các điểm chữ đạt từ điểm D trở lên mà sinh viên đã học, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét.

3. Điểm đánh giá học phần:

- a) Điểm đánh giá học phần được tổ chức từ các điểm đánh giá bộ phận gồm: Điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ.

- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 30%), trong đó gồm:

- + Điểm đánh ý thức, chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;

- + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 20%;

- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 70%).

b) Quy định cụ thể cho các điểm thành phần như sau:

b1) Đánh giá ý thức học tập của sinh viên bao gồm: có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...) Sinh viên phải dự học ở lớp từ 80% số tiết học của học phần trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần. Sinh viên không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

b2) Điểm đánh giá giữa học phần:

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết > 3: 1 lần kiểm tra

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết > 4: 2 lần kiểm tra (Điểm đánh giá giữa kỳ là trung bình cộng 2 lần kiểm tra).

Điểm giữa kỳ GV phải nộp về cho giáo vụ khoa và nộp về P.QLĐT ngay sau khi kết thúc thi giữa HP 1 tuần.

b3) Điểm đánh giá cuối kỳ:

- Học phần chỉ có lý thuyết: Điểm đánh giá cuối kỳ là điểm của bài thi học kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường và được thực hiện theo các hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn (Hình thức đánh giá do Bộ môn quy định, ghi rõ trong Đề cương học phần đã được phê duyệt).

- Học phần chỉ có thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

- Học phần có cả lý thuyết và thực hành (tức là có tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành): Nếu số lượng loại tín nào nhiều hơn thì sẽ thi kết thúc học phần theo loại tín chỉ đó; nếu tỷ lệ tín chỉ thực hành và lý thuyết bằng nhau thì sẽ thi theo hình thức thực hành. Tất cả các điểm bộ phận đều cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Giảng viên trực tiếp chấm điểm chuyên cần và thái độ học tập, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm các bài thực hành và phải thông báo công khai cho sinh viên trước khi nộp điểm về phòng QLĐT. C

4. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

5. Việc đánh giá bộ phận phải được giảng viên tiến hành rải đều trong cả học kỳ, được qui định trong đề cương chi tiết học phần. Chậm nhất là sau 2 tuần, kể từ khi thu bài kiểm tra, đánh giá bộ phận, giảng viên phải trả bài và công bố kết quả đánh giá cho SV

6. Đối với các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng được tổ chức giảng dạy, đánh giá và cấp chứng chỉ theo quy định.

6. Mô tả chương trình dạy học

6.1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số TC
1	Kiến thức Giáo dục đại cương: 37 TC	Bắt buộc	37
		Tự chọn	0
2	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: 88 TC		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành: 27 TC	Bắt buộc	27
		Tự chọn	0
2.2	Kiến thức ngành và chuyên ngành: 39TC	Bắt buộc	33
		Tự chọn	06
2.3	Kiến thức bổ trợ ngành và chuyên ngành: 06TC		06
2.4	Thực tế, thực tập nghề nghiệp: 16 TC		16
	Tổng số tín chỉ của CTĐT		125

6.2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần (Số TC)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				
1	ĐC001	Triết học Mác Lê nin	Học phần gồm những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Triết học Mác – Lênin, (Giáo trình dự thảo)</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2010.</p>
	ĐC 002	Kinh tế chính trị	Học phần có các nội dung cơ bản:	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Bộ Giáo dục và Đào</p>

		Mác Lê nin	<p>- Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>- Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường.</p> <p>- Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.</p> <p>- Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước.</p>	<p>tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (giáo trình tập huấn năm 2019)</p> <p>2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.</p> <p>*Tài liệu tham khảo;</p> <p>1.Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác Lênin, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.</p>
	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>Nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ cương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.</p>	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1.Bộ GD&ĐT (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Giáo dục và Đào tạo</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008) Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học; Nxb. CTQG, Hà Nội</p> <p>2.Nguyễn Ngọc Long (chủ biên) (2008), Chủ nghĩa Mác – Lênin với vận mệnh và tương lai của chủ nghĩa xã hội hiện thực, Nxb. CTQG, Hà Nội.</p>
	ĐC 004	Tư Tưởng	- Học phần thuộc kiến thức	Học liệu bắt buộc

		<p>Hồ Chí Minh</p> <p>giáo dục đại cương trong tất cả các trường ĐH và CĐCN trong cả nước. Giúp sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, qua đó từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành.</p> <p>- Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Hồ Chí Minh đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>- Các nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển gắn với các thời kì hoạt động của <u>Hồ Chí Minh</u> trong phong trào cách mạng <u>Việt Nam</u> và quốc tế vào đầu và giữa thế kỷ 20. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh nhận định Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh</p>	<p>1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2011), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>2. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.</p> <p>3. Hồ Chí Minh (1998), <i>Về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>4. Hồ Chí Minh, <i>Về xây dựng con người mới</i>. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>5. <i>Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i> (2016), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.</p>
--	--	---	---

		<p>của <u>văn hóa dân tộc Việt Nam</u>, tư tưởng <u>cách mạng Pháp</u>, tư tưởng tự do của <u>Hoa Kỳ</u>, lý tưởng <u>công sản Mác-Lênin</u>, tư tưởng <u>văn hóa phương Đông</u>, <u>văn hóa phương Tây</u> và phẩm chất cá nhân của <u>Hồ Chí Minh</u>.</p> <p>- Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được xác định là một hệ tư tưởng chính thống của Đảng Cộng sản Việt Nam bên cạnh chủ nghĩa Mác-Lênin, được chính thức đưa ra từ Đại hội VII của Đảng. Đảng Cộng sản, Nhà nước Việt Nam cùng các quan điểm chính thống ở Việt Nam hiện nay đều thống nhất đánh giá Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là cách vận dụng sáng tạo <u>Chủ nghĩa Mác-Lênin</u> trong điều kiện cụ thể của <u>Việt Nam</u> và coi tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của <u>Đảng Cộng sản Việt Nam</u> và của <u>dân tộc Việt Nam</u>. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định lấy <u>Chủ nghĩa Mác-Lênin</u> và <u>tư tưởng Hồ Chí Minh</u> là kim chỉ nam cho mọi hành động và thắng lợi của <u>cách mạng Việt Nam</u>. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn tăng cường tuyên truyền thúc đẩy việc học tập và làm theo Tư tưởng Hồ Chí</p>	
--	--	---	--

			Minh ở tất cả các tầng lớp trong xã hội.	
	ĐC 005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần gồm có 4 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng thông qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ từ năm 1945 đến năm 1975 cũng như lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quản chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...).	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1.Lê Minh Toàn(2005), Pháp luật đại cương, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Nguyễn Văn Động (2012), Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2015), Giáo trình pháp luật đại cương, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p>
	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần hướng đến 3 nội dung chính sau: - Những vấn đề cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam: văn hóa và văn hóa học; môi trường văn hóa; tiếp xúc và giao lưu văn hóa; những thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam. - Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền - sơ sử; văn hoá Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên; Văn hoá Việt Nam thời tự chủ; Văn hoá Việt Nam từ 1858 đến nay. - Không gian và các vùng văn	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Trần Ngọc Thêm (2000), Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Trần Quốc Vượng (chủ biên), (2009), Cơ sở văn hoá Việt Nam, Tái bản lần thứ 11, Nxb. Giáo dục, Hà Nội</p>

			hóa Việt Nam: vùng văn hóa phía Bắc; vùng văn hóa Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ	
	ĐC 007	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ bản giới thiệu những vấn đề chung nhất về Nhà nước và pháp luật; về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, về pháp chế xã hội chủ nghĩa; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy Nhà nước ta hiện nay và tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta và pháp luật chuyên ngành. Nghiên cứu đồng thời mối quan hệ biện chứng giữa nhà nước và pháp luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phương pháp tiếp cận pháp luật Việt Nam. Qua đó thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày.	<p>*Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Lê Minh Toàn(2005), Pháp luật đại cương, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Nguyễn Văn Động (2012), Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2.Nguyễn Thị Thanh Thủy (2015), Giáo trình pháp luật đại cương, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>3.Nguyễn Duy Quang, (2008), Đại cương về nhà nước và pháp luật, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p>
	ĐC008	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên hiểu về các khái niệm về khoa học, phương pháp luận NCKH. - Nghiên cứu các vấn đề đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, vai trò và ý nghĩa của phương pháp luận NCKH. - Khái niệm khoa học, các 	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Vũ Cao Đàm (2011), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb. Giáo dục.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Phạm Việt Vượng (2004), Phương pháp luận nghiên</p>

			<p>quy luật và tiêu chí xác định, đánh giá các sản phẩm khoa học.</p> <p>- Các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học; phương pháp thực hiện một đề tài khoa học nói chung; quy trình tổ chức quản lí, triển khai đề tài khoa học.</p>	<p>cứu khoa học, Nxb. ĐHQG Hà Nội.</p>
	ĐC009	Tâm lý học đại cương	<p>Học phần Tâm lý học đại cương gồm các vấn đề: Bản chất lịch sử xã hội, sự đa dạng của các hiện tượng tâm lý trong đời sống con người, chức năng và phân loại hiện tượng tâm lý người, phương pháp nghiên cứu tâm lý; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ, ngôn ngữ của con người và ứng dụng của các quá trình nhận thức vào trong hoạt động thực tiễn của con người; Khái niệm và bản chất của nhân cách, các thuộc tính tâm lý nhân cách như: Xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực, tình cảm, ý chí và các con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách, nguyên nhân và biện pháp khắc phục.</p>	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1 .Nguyễn Xuân Thúc (2011), Giáo trình Tâm lý học đại cương. Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Quang Uẩn(2004), Giáo trình Tâm lý học đại cương, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội</p> <p>2. Nguyễn Quang Uẩn (1997), Tâm lý học đại cương. Nxb. Giáo dục</p>
	ĐC011	Mỹ học đại cương	<p>Mỹ học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo đại học. Học phần cung cấp những</p>	<p>1. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân (2003), Mỹ học đại cương, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>2. Georger Phriedrich Hegel</p>

			<p>kiến thức lý luận về đối tượng; tiến trình lịch sử của Mỹ học; một số nét về Mỹ học phương Đông; khách thể và chủ thể thẩm mỹ; nghệ thuật; các loại hình nghệ thuật; nghệ sĩ và vấn đề giáo dục thẩm mỹ cho con người.</p>	<p>(2005), Mỹ học, Nxb. Văn học, Hà Nội. 3. Nguyễn Hoàng Huy (2003), Mỹ học và phê bình nghệ thuật, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p>
	ĐC013	Lịch sử văn minh thế giới	<p>Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Ả-rập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam Á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc. Nhưng cũng chính con người đã gây ra hai cuộc chiến tranh thế giới làm tàn phá nền văn minh nhân loại. Để rồi sau sự đổ nát đó con người lại tiếp tục vươn lên và đạt được những thành tựu kỳ diệu, đưa loài người</p>	<p>Nguyễn Văn Huân (2008), Kỳ tích văn minh thế giới, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội Nguyễn Văn Khang (1998), Những nền văn minh vĩ đại trên thế giới, Nxb. Giáo dục. Vũ Dương Ninh (1998), Lịch sử văn minh thế giới, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. Samuel Huntigton (2003), Sự va chạm của các nền văn minh, Nxb. Khoa học kỹ thuật. Stavrianos, S (2007), Lịch sử văn minh thế giới, Nxb. Văn hóa Thông tin.</p>

			<p>bước sang một nền văn minh mới, đo là văn minh trí tuệ hay văn minh hậu công nghiệp.</p>	
NN001	Tiếng anh 1	<p>Học phần Tiếng Anh 1 gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống từ vựng về các chủ đề: thông tin cá nhân, gia đình, thời gian, thức ăn, đồ uống, hoạt động thường ngày, đồ dùng gia đình, sở thích.... - Giúp sinh viên nắm vững một số điểm ngữ pháp cơ bản như: Thì hiện tại đơn, have got/ has got, can, there is/ there are, thì quá khứ đơn, đại từ chỉ thị... - Hệ thống ngữ âm quốc tế và cách phát âm: Trọng âm của từ, cách phát âm của âm –es, reduced vowels, âm hữu thanh và vô thanh, 	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Tom Hutchinson (2002), Lifelines Elementary, NXB Giao thông vận tải.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Đại Lợi (2015), Giải thích ngữ pháp tiếng Anh, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. John, Liz Soars (2009), Headway: Student's book: Elementary, NXB Hải Phòng .</p>	
NN002	Tiếng anh 2	<p>Học phần Tiếng Anh 2 gồm 3 tín chỉ, được thiết kế với các chủ đề: kỳ nghỉ, giải trí, thời trang, Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cơ bản và nền tảng nhất trong tiếng Anh, đồng thời giúp sinh viên nắm vững một số điểm ngữ pháp cơ bản như: Thì quá khứ đơn giản, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành...cùng với hệ thống ngữ âm quốc tế và cách phát âm.</p> <p>Từ những kiến thức nền tảng này sinh viên có thể vận dụng để thực hành giao tiếp, làm bài tập tình huống, phát triển</p>	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Tom Hutchinson (2002), Lifelines Elementary, NXB Giao thông vận tải.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Đại Lợi (2015), Giải thích ngữ pháp tiếng Anh, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. John, Liz Soars (2009), Headway: Student's book: Elementary, NXB Hải Phòng</p>	

			các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) Tiếng Anh giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế	
	ĐC012	Tin học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về tin học, máy tính điện tử, phần cứng, phần mềm nói riêng và công nghệ thông tin nói chung. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Ngoài ra trong chương trình học cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. IIG Viet Nam, IC3 Internet and Computing Core Certification Guide, Tài liệu điện tử, Nơi lưu trữ: Trung tâm học liệu Trường đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Tô Văn Nam (2010), Giáo trình tin học đại cương, Tái bản lần thứ nhất, Nxb Giáo dục.</p>
	GDTC	Giáo dục thể chất	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng thành thạo các động tác kỹ thuật bao gồm. - Thực hành chính xác các kỹ thuật cơ bản của từng nội dung đã học, - Hình thành và củng cố kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết trong cuộc sống và trong hoạt động chuyên môn của khiêu vũ thể thao - Góp phần quan trọng trong việc giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, ý chí và lối sống phù hợp với yêu cầu của xã hội. 	<p>*Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Thanh Tùng (2014), <i>Giáo trình điền kinh</i>, Nxb. Thể dục thể thao, Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>2. Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh (Tập thể tác giả) (2009), <i>Thể dục</i>, Nxb. TĐTT, Hà Nội.</p>
	GDQP	Giáo dục quốc	- SV học lấy chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh tại	SV học lấy chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh tại

		phòng và an ninh	cơ sở được đào tạo theo quy định	cơ sở được đào tạo theo quy định
KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH				
	QVH010	Quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao & du lịch	<p>Học phần Quản lý Nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch có cấu trúc 5 chương, với các nội dung cơ bản sau:</p> <p>Chương 1: Những vấn đề lý luận chung quản lý nhà nước về văn hóa</p> <p>Chương 2: Nội dung quản lý nhà nước về văn hóa</p> <p>Chương 3: Nội dung quản lý nhà nước về thể thao</p> <p>Chương 4: Hướng dẫn tổ chức giải thi đấu thể thao phong trào</p> <p>Chương 5: Du lịch - Những vấn đề chung</p> <p>Chương 6: Nội dung tổ chức, quản lý hoạt động du lịch</p>	<p>[1] Hoàng Sơn Cường (1998), Lược sử quản lý văn hóa ở Việt Nam, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.</p> <p>[2] Phạm Hồng Giang – Bùi Hoài Sơn (đồng chủ biên) (2012), Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội.</p> <p>[3] Nguyễn Thị Thu Linh (chủ biên) (2004), Giáo trình quản lý nhà nước về văn hóa – giáo dục-y tế, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội,</p> <p>[4] Lương Hồng Quang (chủ biên) (2016), Chính sách văn hóa, Nxb Lao động. [7]. Tổng cục du lịch (TS Trần Thị Mai - chủ biên) (2009), Giáo trình Tổng quan du lịch, Nxb Lao động xã hội.</p> <p>[8]. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2004), Giáo trình Kinh tế du lịch, Nxb. Lao động - xã hội.</p>
	ĐC009	Văn hóa giao tiếp	<p>Học phần Văn hóa giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung về giao tiếp và văn hóa giao tiếp, ứng xử: Khái niệm giao tiếp và văn hóa giao tiếp; mô hình, vai trò, nguyên tắc và các loại</p>	<p>1. Nguyễn Văn Đính (chủ biên, 1995), Kỹ năng giao tiếp, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội.</p> <p>2. Chu Văn Đức (chủ biên), Giáo trình Kỹ năng giao tiếp,, NXB Hà Nội.</p>

			<p>hình giao tiếp. Các vấn đề về kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, vai trò, các kiểu nghe và các cấp độ nghe, rào cản trong lắng nghe và kỹ năng lắng nghe hiệu quả. Khái niệm kỹ năng nói, vai trò của nói và các nguyên tắc nói, cách dùng phi ngôn từ trong nói. Khái niệm về kỹ năng viết, các nguyên tắc, xác định các bước của một bài viết, cách sử dụng ngôn ngữ trong thuyết minh tại điểm du lịch và trong các hoạt động du lịch. Những đặc trưng trong văn hóa giao tiếp của người Việt; vai trò của giao tiếp, ứng xử đối với người làm du lịch; những nguyên tắc và phương thức giao tiếp, ứng xử giữa nhân viên ngành du lịch với du khách. Đặc biệt, sinh viên được thực hành các kỹ năng giao tiếp qua đó hình thành những kỹ năng giao tiếp phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai.</p>	<p>3. Hoàng Văn Tuấn (2004), Các quy tắc hay trong giao tiếp, NXB Thanh niên.</p>
	TTH008	Thống kê học	<p>Học phần cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản về thống kê học (các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chỉ tiêu thống kê, các loại thang đo,...) Qua đó, giúp cho học sinh tư duy, biết thu thập, tích lũy, xử lý và phân tích các dữ</p>	<p>1. PGS. TS. Trần Thị Kim Thu (2012). Lý thuyết thống kê, NXB Đại học kinh tế Quốc dân. 2. Đào Hữu Hồ (2014), Thống kê xã hội học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 3. Nguyễn Thị Hoàng Oanh</p>

			<p>liệu số từ các hiện tượng, sự việc, tình hình xảy ra trong thực tế nhằm tìm hiểu bản chất và quy luật của các hiện tượng này. Đồng thời môn học này còn giúp sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê; Cách thức trình bày các số liệu thống kê; Tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng thống kê (Số trung bình cộng, số trung vị, mốt, Phương sai và độ lệch chuẩn) ; Ước lượng thống kê và kiểm định giả thiết thống kê.</p>	<p>(2005), Thống kê du lịch, NXB Hà Nội.</p> <p>4. Nguyễn Thị Công (2003), Giáo trình Lý thuyết Thống kê, NXB Đại học Thương Mại</p>
	QKS001	Kinh tế vĩ mô	<p>Học phần Kinh tế vi mô giới thiệu đến sinh viên những vấn đề cơ bản của nền kinh tế: Các vấn đề cơ bản của thị trường là cung cầu và giá cả; đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp và sự điều tiết của chính phủ trong nền kinh tế thị trường; thị trường cạnh tranh và độc quyền; và nghiên cứu về thị trường các yếu tố của sản xuất.</p>	<p>1. David Begg (2008), Kinh tế học, NXB Thống kê, Hà Nội.</p> <p>2. Robert C. Guell (2009), Những chủ đề kinh tế học hiện đại, NXB Đồng Nai, TP.Hồ Chí Minh</p> <p>3. Đào Xuân Sâm, Vũ Quốc Tuấn (2008), Đổi mới ở Việt Nam - nhớ lại và suy ngẫm, NXB Tri thức, Hà Nội.</p> <p>4. Đinh Thùy Trâm (2011), Kinh tế vi mô, NXB Phương Đông, Cà Mau</p>
	QLH001	Quản trị học	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cũng như việc vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh</p>	<p>1. Đặng Đình Đào (2003), Giáo trình kinh tế các ngành thương mại – dịch vụ, NXB Thống kê.</p> <p>2. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Quản trị học, NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội.</p>

			đạo, kiểm soát). Học phần cũng cập nhật một số vấn đề mới về quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột của tổ chức.	<p>3. Bùi Xuân Nhân (Chủ biên), 2009, Marketing du lịch, NXB Thống kê.</p> <p>4. Tạ Đức Khánh, 2012, Giáo trình kinh tế quản lý, NXB Giáo dục</p> <p>5. Phạm Thế Tri (2007), Quản trị học, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.</p>
QLH002	Marketing	Marketing là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về Marketing, vai trò của Marketing trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch, xu hướng của hoạt động bán hàng trong xu thế toàn cầu hóa, học phần marketing cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về môi trường hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích về hành vi mua sắm - tiêu dùng sản phẩm hàng hóa dịch vụ, có được kiến thức về hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng.	<p>[1]. Trần Minh Đạo, 2009, Giáo trình Marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p>[2]. Nguyễn Xuân Quang, 2005, Giáo trình marketing thương mại, NXB Lao động xã hội.</p> <p>[3]. Ian Chaston ; Dịch và b.s: Vũ Trọng Hùng, Phan Đình Quyền, 1999, .Marketing định hướng vào khách hàng, NXB. Đồng Nai.</p> <p>[4]. Philip Kotler ; Biên dịch: Vũ Thị Phương Anh, 2003, Những phương thức sáng tạo, chiến thắng và khống chế thị trường, NXB. Tp. Hồ Chí Minh.</p>	
QKS003	Thương mại điện tử căn bản	Nội dung của môn học bao gồm những khái niệm cơ bản, kết cấu hạ tầng, phương thức thực hiện thương mại điện tử, các thành phần cấu thành của hoạt động thương mại điện tử. Phân loại các mô hình	<p>1/. Trần Văn Hòe, Giáo trình thương mại điện tử căn bản. Đại Học Kinh Tế Quốc Dân – Hà Nội 2007 (chưa có trong danh mục thư viện TUCST)</p> <p>2/. Nguyễn Thu Huyền</p>	

			<p>thương mại điện tử, các hoạt động giao dịch, các rủi ro khi trong thương mại điện tử. Các ứng dụng của thương mại điện tử cho doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch kinh doanh điện tử, và thực hiện kế hoạch kinh doanh Thương mại điện tử. Marketing thông qua Thương mại điện tử và các ứng dụng khác của Thương mại điện tử.</p>	<p>(2006), Giáo trình luật thương mại quốc tế. NXB Hà Nội</p> <p>3/. Mai Anh Vũ (2014), Tập bài giảng Thương mại điện tử căn bản. Đại học Văn Hóa Thể Thao Du Lịch Thanh Hóa.</p> <p>4/. Nghị định số: 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Thương mại Điện tử</p> <p>5/. Tìm hiểu luật giao dịch điện tử (2006). NXB Lao động – Xã hội</p>
	QKS004	Thanh toán quốc tế trong du lịch	<p>Học phần Thanh toán quốc tế trong du lịch là một môn cơ sở ngành, là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành.</p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tiền tệ và Thanh toán quốc tế trong du lịch cụ thể như: Tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái và cách chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia; Cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế trong du lịch; cách thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế trong du lịch.</p>	<p>1. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lặng (2004), Giáo trình kinh tế quốc tế, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.</p> <p>2. Vũ Diễm Hà, Lương Ngọc Linh (2006), Giáo trình nghiệp vụ thanh toán, NXB Hà Nội, Hà Nội.</p> <p>3. Trần Thị Minh Hòa (2011), Thanh toán quốc tế trong du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p>4. ThS.Thân Tôn Trọng Tín, PGS.TS Lê Thị Mận (2011), Thanh toán quốc tế, NXB Lao động xã hội.</p>
	QLH003	Kinh tế du lịch	<p>Kinh tế du lịch là một môn học kinh tế ngành, trang bị cho người học những kiến</p>	<p>1. Nguyễn Văn Đính, 2004, Giáo trình Kinh tế Du lịch, NXB Lao động Xã hội</p>

		<p>thức cơ bản và có hệ thống về hoạt động du lịch dưới góc độ kinh tế – ngành kinh tế dịch vụ mang tính chiến lược rất quan trọng trong các giai đoạn phát triển của mỗi quốc gia. Người học sẽ được tiếp cận những vấn đề kinh tế cơ bản của ngành kinh tế du lịch: Từ những nội dung khái quát về ngành kinh tế du lịch, cung, cầu và thị trường du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, tính thời vụ trong du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, đến một số vấn đề cụ thể như lao động, cơ sở vật chất và hiệu quả kinh tế trong du lịch... Trên cơ sở đó sinh viên có thể hiểu rõ bản chất và rút ra được các quy luật hoặc tính quy luật vận động của các hiện tượng và các quan hệ kinh tế trong phạm vi ngành, nhận thức được một bức tranh tổng thể và tương đối hoàn chỉnh về du lịch và ngành kinh tế du lịch của một quốc gia. Từ đó đi sâu nghiên cứu ngành du lịch với tính chất của một hệ thống mở, hệ thống du lịch dưới góc độ kinh tế bao gồm nhiều yếu tố cấu thành, có mối liên hệ bên trong cũng như bên ngoài hệ thống với các yếu tố môi trường. Giúp người học có</p>	<p>2. Trần Văn Mậu, 2001, Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch, NXB ĐHQG Hà Nội 3. Nguyễn Văn Lưu, 2012, Thị trường du lịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 4. Đinh Thị Thu, 2005, Giáo trình kinh tế du lịch Khách sạn, NXB Hà Nội</p>
--	--	--	--

			được tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định các vấn đề kinh tế mang tính chiến lược trong phạm vi ngành.	
	DL010	Văn hóa ẩm thực	Với tính chất của một bộ môn thuộc chuyên ngành đào tạo, học phần đem đến cho người học những hiểu biết mang tính khái quát về văn hóa ẩm thực nói chung trên thế giới; văn hóa ẩm thực Việt Nam nói riêng; một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng đối với du lịch Việt Nam; ẩm thực và tôn giáo. Từ đó người học có được khả năng tìm hiểu, nghiên cứu về ẩm thực, đề xuất ý kiến thỏa đáng trong việc nâng cao giá trị ẩm thực, văn hóa ẩm thực; sáng tạo cách chế biến tạo ra sản phẩm ẩm thực có giá trị.	[1] Hoàng Minh Khang - Lê Anh Tuấn (2017), Giáo trình Văn hóa ẩm thực, Trường Cao Đẳng Du lịch Hà Nội, HN. [2] Mai Khôi (2001), Văn hóa ẩm thực Việt Nam, Nxb Thanh niên. [3] Nguyễn Quang Lê (2012), Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc, HN.
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH				
	TA031	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 bao gồm 2 phần chính (10 bài học): Phần I- Tiếng Anh trong khách sạn (English for Hotel staff) gồm 05 bài học tương ứng với 05 chủ đề trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn: Đặt phòng, làm thủ tục nhận phòng, phục vụ phòng, giải quyết những lời phàn nàn của khách và làm thủ tục trả phòng; Phần II – Tiếng Anh trong nhà hàng (English for	1. Đỗ Thị Kim Oanh (2006), Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành nghiệp vụ lễ tân, NXB Hà Nội. 2. Đỗ Thị Kim Oanh (2005), Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật phục vụ nhà hàng, NXB Hà Nội. 3. Lê Huy Lâm- Phạm Văn Thuận biên dịch (2005), Tiếng Anh đàm thoại dành cho nhân viên khách sạn, NXB TP Hồ Chí Minh 4. Lê Huy Lâm- Phạm Văn

			Restaurant Staff) gồm 05 bài học tương ứng với 05 chủ đề trong lĩnh vực dịch vụ nhà hàng: Đặt bàn ăn, đón khách, phục vụ bữa ăn, giải quyết những lời phàn nàn của khách và làm thủ tục thanh toán hóa đơn.	Thuận – Nguyễn Hữu Tài biên dịch (2004), Tiếng Anh dành cho nhân viên lễ tân, NXB TP Hồ Chí Minh. 5. Đào Thị Hương (2006), Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành du lịch, NXB Hà Nội
	TA032	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 bao gồm 4 phần chính: Các lễ hội truyền thống tại Việt Nam; Các làng nghề truyền thống tại Việt Nam; Các di tích lịch sử tại Việt Nam; Các thắng cảnh nổi tiếng tại Việt Nam	1. Lê Thị Tuyết Mai (2013), Du lịch lễ hội Việt Nam, Đại học Văn hóa Hà Nội. 2. Lê Thị Tuyết Mai, (2010), Du lịch văn hoá- lịch sử Việt Nam, Đại học Văn hóa Hà Nội 3. Đào Thị Hương (2006), Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành du lịch, NXB Hà Nội
	QKS005	Tổng quan khách sạn	Nhìn nhận một cách khái quát về hình thái hoạt động của hệ thống cơ sở lưu trú, đặc biệt là loại hình khách sạn. Định hướng nghiên cứu và phát triển các HP, TC nằm trong mục tiêu đào tạo của ngành QTKD KS. Tạo nền tảng kết dính các môn học riêng lẻ nằm trong chương trình QTKD Khách sạn	1. Ts.Trịnh Xuân Dũng (2006), Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn, 2006, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; 2. Vũ Thị Thủy, Lê Thị Bưởi, tập bài giảng Tổng quan khách sạn, trường Đại Học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa 3/. Website: www.vietnamtourism.gov.vn 4/. Website: www.unwto.org
	QLH004	Quản trị dịch vụ	Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung học phần bao gồm	1. Nguyễn Trọng Đăng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, Vũ Đức Minh, Trần Thị Phùng (2012), Quản trị doanh nghiệp khách sạn – du lịch , NXB Đại học Quốc gia Hà

			<p>các vấn đề: khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ</p>	<p>Nội. 2. Đặng Đình Đào (2003), Giáo trình kinh tế các ngành thương mại – dịch vụ, NXB Thống kê. 3. Bùi Xuân Nhân (Chủ biên), 2009, Marketing du lịch, NXB Thống kê 4. Tạ Đức Khánh, 2012, Giáo trình kinh tế quản lý, NXB Giáo dục 5. Phạm Thế Tri (2007), Quản trị học, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh</p>
	QVH022	Tổ chức sự kiện	<p>Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một bộ công cụ cơ bản về tổ chức sự kiện gồm: những vấn đề lý thuyết cơ bản về tổ chức sự kiện, phương pháp hình thành chủ đề sự kiện, lập các loại kế hoạch cho sự kiện và dự toán ngân sách sự kiện. Phương pháp và kỹ năng thực hành tổ chức một sự kiện cụ thể gắn với chuyên ngành thông qua các bài học về quy trình tổ chức sự kiện, điều hành diễn biến của sự kiện và kết thúc sự kiện.</p> <p>Học phần Tổ chức sự kiện được cấu trúc thành 3 chương, tập trung giới thiệu những kiến thức căn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về hoạt động tổ chức sự kiện - Hình thành chủ đề, lập kế 	<p>1. Phan Kế Bính (1990), Việt Nam phong tục, Nxb tp Hồ Chí Minh 2. Phan Hữu Dật (1992), (Chủ biên), Văn hóa lễ hội của các dân tộc ở Đông Nam Á, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội 3. Lưu Văn Giản (1997), (Chủ biên), Quản trị Marketing dịch vụ, Nxb Lao Động, Hà Nội 4. Cao Đức Hải – Lê Ngọc Thủy (2009); Quản lý dự án Văn hóa nghệ thuật, giáo trình, Đại học Văn hóa Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 5. Ths Vũ Thị Huyền (năm 2016), Tập bài giảng học phần tổ chức sự kiện (Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHVH, TT&DL Thanh Hóa)</p>

			<p>hoạch và dự toán ngân sách sự kiện</p> <p>- Thực hành tổ chức sự kiện</p>	<p>6. Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), Chủ biên), Marketing Văn hóa nghệ thuật, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p>7. Phan Văn Tú (1999), Đại cương về khoa học quản lí, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội</p> <p>8. Lê Trung Vũ (1992), (Chủ biên) , Lễ hội cổ truyền, Nxb, khoa học Xã hội, Hà Nội</p>
	QKS006	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	<p>Nội dung của môn học bao gồm những Khái quát chung về giao tiếp, chức năng của giao tiếp, phân loại các loại hình giao tiếp. Phân tích cấu trúc của hoạt động giao tiếp, truyền thông trong giao tiếp, giao tiếp là quá trình nhận thức và tác động qua lại lẫn nhau. Nghiên cứu các kỹ năng trong giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng diễn thuyết, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao dịch bằng thư tín, kỹ năng xã giao thông thường. Khát quát chung về đàm phán và giao dịch trong kinh doanh. Nghiên cứu các tiến trình trong đàm phán và giao dịch trong kinh doanh. Nghiên cứu và vận dụng kỹ năng để giải quyết thế lưỡng trong đàm phán giao dịch.</p>	<p>1/. Lê Bộ Lĩnh (2006), Vòng đàm phán Đoha. NXB Khoa học xã hội.</p> <p>2/. Quý Long (2011), Nghệ thuật giao tiếp nơi công sở và các kỹ năng đàm phán, thương thảo và ký kết hợp đồng đạt hiệu quả cao. NXB Lao Động</p> <p>3/. Trần Sinh (2005), 100 Sách lược đàm phán. NXB Thanh Hóa</p> <p>4/. Hoàng Đức Thân (2006), Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh. NXB Thống kê</p> <p>5/. Mai Anh Vũ (2015), Tập bài giảng Giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đại học Văn Hóa Thể Thao Du Lịch Thanh Hóa.</p>
	QKS007	Quản trị kinh doanh	<p>Nội dung của môn học bao gồm những khái niệm cơ bản và cơ sở lý luận về kinh</p>	<p>[1]. Nguyễn Văn Dung (2009), Quản trị đầu tư nhà hàng – khách sạn, NXB Giao</p>

		khách sạn	doanh khách sạn, các thành phần cấu thành của hoạt động kinh doanh khách sạn, các chức năng quản trị kinh doanh của khách sạn. Nội dung của công tác tổ chức hoạt động kinh doanh các dịch vụ cơ bản của khách sạn được đề cập khá rõ nét, giúp các nhà quản lý hiểu rõ và vận hành khách sạn một cách hiệu quả. Lịch sử hình thành và phát triển của hoạt động kinh doanh khách sạn và các xu hướng phát triển của hoạt động kinh doanh khách sạn trên thế giới cùng với những ý nghĩa to lớn của hoạt động kinh doanh khách sạn về kinh tế và xã hội.	thông vận tải. [2]. Trịnh Xuân Dũng (2002), Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. [3]. Nguyễn Trọng Đăng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, Vũ Đức Minh, Trần Thị Phùng (2003), Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch, NXB Thống kê, 2003. [4]. Nguyễn Văn Mạnh – Hoàng Thị Lan Hương (2008), Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
	QKS008	Quản trị lễ tân khách sạn	Nội dung học phần bao gồm: Trang bị cho người học các kiến thức: Tổng quan về bộ phận lễ tân khách sạn, Quản trị đặt buồng khách sạn, Quản trị đăng ký khách sạn, Quản trị cung ứng dịch vụ khách sạn trong thời gian khách lưu trú tại Khách sạn, Quản trị thanh toán cho khách trả buồng rời khách sạn, Thực hành các kỹ năng thao tác nghiệp vụ của nhân viên lễ tân khách sạn như: Kỹ năng đặt buồng, kỹ năng làm thủ tục đăng ký khách sạn, Kỹ năng cung ứng dịch vụ	1. Hồng Hà, 2005, Nghiệp vụ nhân viên ngành du lịch, NXB Văn hóa Thông tin 2. Nguyễn Thị Tú, 2005, Nghiệp vụ phục vụ khách sạn, NXB Thống kê 3. Tổng cục du lịch, 2005, Nghiệp vụ lễ tân, NXB Thanh Niên

			trong thời gian khách lưu trú tại khách sạn, Kỹ năng làm thanh toán và tiễn khách.	
	QKS009	Quản trị buồng khách sạn	Với mục tiêu theo hướng có thể cập nhật những thông tin và kỹ thuật quản lý khách sạn hiện đại, tập bài giảng tập trung vào những kiến thức quản trị bộ phận buồng, các nghiệp vụ, quy trình, biểu mẫu, tình huống trong bộ phận buồng.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng cục Du lịch, Nghiệp vụ buồng, Nxb Lao động, 2007. 2. Tổng cục Du lịch Việt Nam, Nghiệp vụ buồng, Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam, 2009. 3. Vietnam Tourism certification board, Housekeeping Operation, Lux Development, 2004. 4. Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ Du lịch, Kỹ năng khách sạn, Lux Development, 2004.
	QKS010	Quản trị chế biến món ăn	Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về quản trị chế biến món ăn; quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật; tổ chức và quản trị nhân sự trong bộ phận chế biến món ăn; quản trị xây dựng thực đơn; quản trị nguyên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến món ăn; thực hành quản trị chế biến món ăn Á; thực hành quản trị chế biến món ăn Âu; thực hành quản trị các loại bánh Á và Âu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trịnh Cao Khải . Thực hành chế biến món ăn 2. Trịnh Cao Khải. Lý thuyết chế biến món ăn 3. Nghiệp vụ chế biến món ăn. 4. Nghiệp vụ chế biến món ăn Việt Nam 5. Kỹ thuật cắt tỉa rau củ quả
	QKS011	Quản trị nhà hàng	Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về kinh doanh nhà hàng; Sức khỏe, vệ sinh an toàn tại nơi làm việc; Quản trị kỹ năng bán hàng trong	<ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ An Dân, 2009, Quản trị dịch vụ ăn uống và Nhà hàng, NXB Thanh Niên. 2. Lê Thị Nga, 2005, Giáo trình tổ chức kinh doanh nhà

			<p>nhà hàng; Quản trị các hoạt động phục vụ tại nhà hàng ; Quản trị các hoạt động khác tại nhà hàng; Tính chi phí thực phẩm và giá bán; Thực các kỹ năng thao tác nghiệp vụ Nhà hàng như: Kỹ năng chuẩn bị trước cho một ca làm việc, Kỹ năng kê xếp bàn ghế, trải khăn bàn, gấp khăn ăn trang trí bàn tiệc, Kỹ năng set up bàn ăn Á, Âu, Kỹ năng chào đón khách giới thiệu thực đơn và lấy yêu cầu, Kỹ năng bưng đưa gấp rót phục vụ khách, Kỹ năng làm thanh toán, tiễn khách và thu dọn dụng cụ.</p>	<p>hàng, NXB Hà Nội</p> <p>3. Nguyễn Thị Tú, 2005, Nghiệp vụ phục vụ khách sạn, NXB Thống Kê</p> <p>4. Tổng cục du lịch Việt Nam, 2009, Nghiệp vụ Nhà hàng, NXB Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam</p>
	QKS012	An ninh khách sạn	<p>Nội dung học phần bao gồm: tổ chức hoạt động của bộ phận an ninh khách sạn; nghiệp vụ tuần tra, xử lý các tình huống của bộ phận an ninh; nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và đối phó với hỏa hoạn trong khách sạn; nghiệp vụ kiểm soát vào ra, kiểm soát chìa khóa, nhà kho và rác thải khách sạn.</p>	<p>1. Nguyễn Thanh Bình, Giáo trình bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn trong khách sạn, Nxb. Hà Nội, 2007.</p> <p>2. Nguyễn Văn Đính, Giáo trình công nghệ phục vụ trong khách sạn – nhà hàng, Nxb Lao động xã hội, 2003.</p> <p>3. Tổng cục Du lịch Việt Nam, Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ du lịch Việt Nam, Nghiệp vụ an ninh, Hà Nội, 2009.</p> <p>4. Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ Du lịch, Kỹ năng khách sạn, Lux Development, 2004.</p>
	QLH009	Quản trị thương	<p>Cung cấp những vấn đề như khái niệm về thương hiệu, vai</p>	<p>1. Lê Anh Cường, Tạo dựng và quản trị thương hiệu danh</p>

		hiệu	trò chức năng của thương hiệu, các mô hình, chiến lược thương hiệu; thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu.	tiếng lợi nhuận, Lao động xã hội, 2004, 461tr 2. Nguyễn Văn Mạnh, Giáo trình Marketing du lịch, Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009, 439tr 3. TS. Phạm Thị Lan Hương, Quản trị thương hiệu, Nhà xuất bản tài chính, 2014, 302tr
	QKS013	Quản trị khu Resort	Học phần Quản trị resort là môn học không thể thiếu của sinh viên thuộc chuyên ngành Quản trị khách sạn và quản trị kinh doanh dịch vụ và lữ hành. Ngoài những kiến thức cơ bản về khu resort, môn học tập trung vào những nội dung sau + Tổng quan về khu resort + Hoạt động quản lý các bộ phận trong khu resort: tiền sảnh, buồng, nhà hàng, dịch vụ vui chơi làm đẹp và giải trí + Thực hành các bài tập về phương án quản lý biệt thự, cơ sở vật chất kỹ thuật và phương pháp phân tích các kết quả kinh doanh của khu resort.	1/. Th.s. Sơn Hồng Đức, Quản Trị Kinh Doanh Khu Nghỉ Dưỡng (Resort) - Lý Luận Và Thực Tiễn, 2012, NXB Phương Đông 2/. PGS PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh, TS. Hoàng Thị Lan Hương, Giáo trình quản trị khách sạn NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2013 3/. Tiêu chuẩn nghề quốc gia nghề Quản trị khu Resort, Ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
	QKS002	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán là nền tảng, cơ sở quan trọng của khoa học kế toán nói riêng và khoa học quản lý kinh tế nói chung. Nó trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận	1. Đặng Kim Cương (2008), Nguyên lý kế toán Mỹ, NXB Thống kê, Hà Nội 2. Trần Quý Liên, Trần Văn Thuận, Phạm Thành Long (2007), Nguyên lý kế toán,

			<p>chung về kế toán; vai trò của kế toán trong việc thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp các thông tin cho các nhà quản lý trong và ngoài doanh nghiệp; các phương pháp hạch toán kế toán và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, môn học cũng giới thiệu về hệ thống báo cáo tài chính, các hình thức sổ sách kế toán và cách thức tổ chức bộ máy kế toán trong một doanh nghiệp.</p>	<p>NXB Tài chính, Hà Nội 3. Võ Văn Nhị, Nguyễn Thị Mỹ Hoàng, Lu Thị Thanh Nhân (2007), Nguyên lý kế toán, NXB Thống kê, Hà Nội 4. Trần Phước (2008), Giáo trình nguyên lý kế toán, NXB Thống kê, TP Hồ Chí Minh. 5. PGS.TS Đoàn Xuân Tiên (2009), Giáo trình nguyên lý kế toán, NXB Tài chính, Hà Nội.</p>
	QTKS018	Quản trị Bar và Đồ uống	<p>Học phần xây dựng một hệ thống kiến thức và kỹ thuật pha chế đồ uống mà nội dung phù hợp với chương trình đào tạo gắn liền với xu hướng phát triển và nhu cầu của xã hội. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng pha chế và phục vụ, sự hiểu biết về nghề nghiệp và năng lực quản lý, điều hành, giám sát trong lĩnh vực kinh doanh pha chế đồ uống.</p>	<p>[1]. Giáo trình pha chế đồ uống (2018) – Trường cao đẳng kỹ nghệ. [2]. Giới thiệu về kỹ năng phục vụ ở quầy Bar - 1996 [3]. Nghiệp vụ quản lý đồ ăn và đồ uống - Oxford - 1998</p>
	QLH001	Quản trị nhân lực	<p>Làm thế nào để quản trị nguồn nhân lực có hiệu quả là vấn đề khó khăn và thử thách lớn nhất đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế chuyển đổi. Sự biến động mạnh mẽ của môi trường kinh doanh, tính chất khốc liệt của cạnh tranh và yêu cầu</p>	<p>1. Trần Kim Dung, Quản trị nguồn nhân lực, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, 2011 2. Vũ Hoàng Ngân, Phạm Thành Nghị (2004), Quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam một số vấn đề lý luận thực tiễn, NXB Khoa học xã hội 3. Đồng Thị Thanh Phương,</p>

			<p>phải đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cạnh tranh và yêu cầu đáp ứng ngày càng cao của nhân viên trong nền kinh tế thị trường đã và đang tạo sức ép lớn, đòi hỏi các quản trị gia Việt Nam phải có các quan điểm mới, lĩnh hội được những phương pháp mới và nắm vững được những kỹ năng mới về quản trị con người. Nội dung của tập bài giảng được trình bày cô đọng, dễ hiểu trong 7 chương. Chương đầu tiên giới thiệu khái quát về quản trị nguồn nhân, các chương còn lại tương ứng với ba nhóm chức năng quan trọng nhất của quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức: thu hút, đào tạo và phát triển và duy trì nguồn nhân lực.</p>	<p>Nguyễn Thị Ngọc An (2008), Quản trị nguồn nhân lực= Human resource management, NXB Thống kê, 4. Vũ Thị Thủy, tập bài giảng Quản trị nhân lực</p>
KIẾN THỨC BỔ TRỢ				
	QLH001	<p>Quản trị kinh doanh lễ hành</p>	<p>Nội dung chính được giảng dạy cho người học bao gồm: Tổng quan về kinh doanh lễ hành; các nội dung cơ bản của kinh doanh lễ hành; cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp lễ hành; quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lễ hành; xây dựng chương trình du lịch; tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện chương trình du lịch</p>	<p>1. Nguyễn Trọng Đặng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, Vũ Đức Minh, Trần Thị Phùng (2000), Quản trị doanh nghiệp khách sạn – du lịch, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội . 2. Phạm Xuân Hậu, 2011, Giáo trình Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, NXB Thống kê 3. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), Giáo</p>

				<p>trình Quản trị kinh doanh lý hành, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.</p> <p>4. Bùi Xuân Nhân (Chủ biên), 2009, Marketing du lịch, NXB Thống kê.</p> <p>5. Phạm Thế Tri (2007), Quản trị học, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM</p>
	QKS019	Xây dựng thực đơn	<p>Học phần xây dựng thực đơn là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn đào tạo ngành Quản trị khách sạn.</p> <p>Nội dung học phần bao gồm: Bữa ăn và tính chất, đặc điểm của bữa ăn, Nguyên lý xây dựng thực đơn, kỹ năng xây dựng thực đơn.</p>	<p>1. Bài giảng phương pháp xây dựng thực đơn. Nhà xuất bản lao động Hà nội .</p> <p>2. Trịnh Cao Khải. Giáo trình lý thuyết chế biến sản phẩm ăn uống. Nxb Hà Nội</p> <p>3. Trịnh Cao Khải. Giáo trình thực hành chế biến món ăn.</p>
	ĐC009	Tâm lý khách du lịch	<p>Tâm lý khách du lịch với tư cách là một khoa học ứng dụng kiến thức tâm lý học vào lĩnh vực kinh doanh du lịch. Học phần này hệ thống hóa những kiến thức cơ bản, phổ biến về tâm lý khách du lịch, những hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến khách du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong tiêu dùng du lịch về nhu cầu, sở thích, tâm trạng, động cơ, hứng thú, hành vi tiêu dùng du lịch.... và phân loại tâm lý du khách trên nhiều tiêu chí như: Phân loại theo các yếu tố sinh lý, tâm lý, theo tôn giáo, theo khả năng thanh</p>	

			toán và theo vùng lãnh thổ, theo quốc gia, dân tộc.... Trên cơ sở những hiểu biết tâm lý du khách, học phần góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật giao tiếp cho phù hợp với đặc điểm tâm lý từng loại du khách. Sinh viên biết cách xây dựng các mô hình du lịch đáp ứng được nhu cầu của du khách.	
	DL015	Ứng dụng CNTT trong Du lịch	Tin học ứng dụng trong du lịch cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về bộ công cụ Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) để sinh viên có thể sử dụng chúng như một công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tất các môn học khác cũng như khi làm việc. Sinh viên có kiến thức tổng quan về các ứng dụng của tin học vào trong ngành du lịch lữ hành, các hệ thống thông tin khách sạn - nhà hàng và cài đặt thử một số phần mềm quản lý khách sạn, nhà hàng.	[1] “Tài liệu ôn tập luyện thi chứng chỉ MOS Word - Excel”, Vũ Thanh Hiền, Võ Văn Viện, Tôn Quang Toại, Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM [2] “Ứng dụng Microsoft Excel trong kinh tế”, Đặng Cảnh Thạc, Trần Thanh Thái, Trần Thanh Phong, chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright 2004 (Tài liệu miễn phí: http://elib.itc.edu.vn/doc/ung-dung-microsoft-excel-trong-kinh-te-19617.html) [3] “Computers in Hotels: Concepts and Applications”, Partho Pratim Seal, Oxford, 2013.
	DL017	Lễ tân ngoại giao	Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản (như lễ tân, ngoại giao và lễ tân ngoại giao). Người học	1. Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ Du lịch, Nghiệp vụ lễ tân, Luxdevelopment, 2004.

			<p>cũng được làm quen với các vấn đề chung về ngoại giao trên thế giới và ở Việt Nam, các nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động lễ tân ngoại giao như nghiệp vụ đón tiếp và tổ chức hậu cần, tổ chức sự kiện ngoại giao, tổ chức tiệc ngoại giao.</p>	<p>2. Tổng cục Du lịch, Nghiệp vụ lễ tân, Nxb Thanh niên, 2005.</p> <p>3. Vietnam Tourism, Hospitality skill, Luxdevelopment, 2004.</p>
	DL014	Du lịch bền vững	<p>Học phần cung cấp kiến thức tổng quan tác động nhiều mặt của hoạt động du lịch đối với môi trường (tự nhiên, xã hội và kinh tế) với sự tập trung chú ý phân tích sâu hơn các tác động xấu của du lịch gây ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát các vấn đề về du lịch bền vững, đặc điểm của du lịch bền vững, vai trò của du lịch bền vững với việc bảo vệ tính đa dạng của tự nhiên, bản sắc văn hóa của cộng đồng bản địa cũng như sự phát triển của xã hội - Trên cơ sở các nguyên tắc của du lịch bền vững, đề xuất các định hướng xây dựng các chính sách phát triển du lịch, các biện pháp kiểm soát tác động môi trường cũng như các phương pháp đánh giá tính bền vững của một lãnh thổ du lịch hoặc một dự án phát triển du lịch 	<p>1. Trần Đình Ba, Du lịch thế giới, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2012.</p> <p>2. Lê Huy Bá, Du lịch sinh thái, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 2001.</p> <p>3. Nguyễn Thị Thu Hiền, Địa danh du lịch Việt Nam, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, 2012</p> <p>4. Nguyễn Đình Hòa, Du lịch bền vững, Nxb ĐHQG, 2001.</p>
THỰC TẬP, THỰC TẾ				
	QKS020	Thực tế	Thực tế chuyên ngành 1	1. Trịnh Xuân Dũng (2002),

		chuyên ngành 1	nhằm mục tiêu giúp sinh viên tiếp cận và cọ sát với thực tế trước khi bắt đầu chương trình học các môn chuyên ngành, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài. Học phần Thực tế chuyên ngành 1 giúp người học tìm kiếm, xử lý, phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp các nguồn tư liệu thực tế tại các khách sạn trong phạm vi một số tỉnh lân cận phía bắc.	<p>Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Trọng Đăng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, Vũ Đức Minh, Trần Thị Phùng (2003), Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch, NXB Thống kê, 2003.</p> <p>3. Tạ Trường Xuân, 2011, Nguyên lý thiết kế khách sạn, NXB Xây dựng.</p>
	QKS021	Thực tế chuyên ngành 2	Thực tế chuyên ngành 2 nhằm mục tiêu giúp sinh viên tiếp cận sâu hơn với thực tế trước khi bước vào chương trình thực tập tốt nghiệp, Học phần thực tế chuyên ngành 2 gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài. Học phần Thực tế chuyên ngành 2 giúp người học xử lý, phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp các nguồn tư liệu thực tế tại các khách sạn trong phạm vi một số tỉnh lân cận phía Nam.	<p>1. Trịnh Xuân Dũng (2002), Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Trọng Đăng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, Vũ Đức Minh, Trần Thị Phùng (2003), Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch, NXB Thống kê, 2003.</p> <p>3. Tạ Trường Xuân, 2011, Nguyên lý thiết kế khách sạn, NXB Xây dựng.</p>
	QKS014	Thực tập doanh nghiệp 1	Thực tập doanh nghiệp 1 nhằm mục tiêu giúp sinh viên tiếp cận và cọ sát, làm việc thực tế tại doanh nghiệp trước khi bắt đầu chương trình học các môn chuyên ngành, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài. Học phần Thực tập doanh nghiệp 1	<p>1. Trịnh Xuân Dũng (2002), Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Trọng Đăng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, Vũ Đức Minh, Trần Thị Phùng (2003), Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch, NXB Thống kê, 2003.</p> <p>3. Tạ Trường Xuân, 2011,</p>

			giúp người học tìm kiếm, xử lý, phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp các nguồn tư liệu thực tế tại các khách sạn trong phạm vi tỉnh và khu vực.	Nguyên lý thiết kế khách sạn, NXB Xây dựng.
	QKS015	Thực tập doanh nghiệp 2	Thực tập doanh nghiệp 2 nhằm mục tiêu giúp sinh viên tiếp cận, làm việc thực tế tại doanh nghiệp trước khi bắt đầu chương trình học các môn chuyên ngành, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài. Học phần Thực tập doanh nghiệp 2 giúp người học, xử lý, phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp các kỹ năng nghề thực tế tại các khách sạn – nhà hàng trong phạm vi tỉnh và khu vực.	
	QKS016	Thực tập nghề cuối khoá	Thực tập tốt nghiệp là một học phần kết thúc trong chương trình đào tạo. Thực tập tốt nghiệp giúp người học tiếp cận gần hơn các khách sạn ở góc độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ tổng hợp của nhân viên khách sạn, người quản lý khách sạn ở môi trường thực tế trước khi ra trường. Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nắm bắt hoạt động kinh doanh khách sạn, tìm hiểu sâu về các hoạt động, các công việc trong tất cả các bộ phận của khách sạn.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trịnh Xuân Dũng (2002), Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2. Nguyễn Trọng Đăng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, Vũ Đức Minh, Trần Thị Phùng (2003), Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch, NXB Thống kê, 2003. 3. Tạ Trường Xuân, 2011, Nguyên lý thiết kế khách sạn, NXB Xây dựng.

6.3. Trình tự nội dung Chương trình dạy học

Năm thứ nhất	
<i>Học kỳ 1</i>	<i>Học kỳ 2</i>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học Mác – Lênin 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học 3. Lịch sử văn minh thế giới 4. Ngoại ngữ 1 5. Tin học đại cương 6. Văn hóa giao tiếp 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2. Cơ sở văn hóa Việt Nam 3. Pháp luật đại cương 4. Ngoại ngữ 2 5. Tổng quan khách sạn 6. Thực tế chuyên ngành 1
Năm thứ hai	
<i>Học kỳ 1</i>	<i>Học kỳ 2</i>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. âm lý học đại cương 3. Thống kê học 4. Kinh tế vi mô 5. Quản trị học 6. Giao dịch và đàm phán kinh doanh 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Mỹ học đại cương 3. Thương mại điện tử căn bản 4. Thanh toán quốc tế trong Du lịch 5. Quản trị kinh doanh khách sạn 6. Xây dựng thực đơn 7. Du lịch bền vững 8. Thực tập doanh nghiệp 1
Năm thứ ba	
<i>Học kỳ 1</i>	<i>Học kỳ 2</i>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch. 3. Marketing 4. Văn hóa ẩm thực 5. Quản trị chế biến món ăn 6. Quản trị nhà hàng 7. Tâm lý khách du lịch 8. Lễ tân ngoại giao 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế du lịch 2. Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 3. Quản trị lễ tân khách sạn 4. Quản trị buồng 5. Quản trị kinh doanh lữ hành 6. Ứng dụng CNTT trong Du lịch 7. Thực tập doanh nghiệp 2
Năm thứ tư	
<i>Học kỳ 1</i>	<i>Học kỳ 2</i>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 2. Quản trị dịch vụ 3. Tổ chức sự kiện 4. An ninh khách sạn 5. Quản trị thương hiệu 6. Quản trị khu Resort 7. Nguyên lý kế toán 8. Quản trị Bar và đồ uống 9. Quản trị nhân lực 10. Thực tế chuyên ngành 2 	<p>Thực tập nghề cuối khoá</p>

(Ghi theo kế hoạch toàn khóa học)

Quản trị học	0	3	1	0	2	1	1	0	2	0	1	1	1	0
Marketinh	0	2	2	1	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0
Thương mại điện tử căn bản	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thanh toán quốc tế trong du lịch	0	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Kinh tế du lịch	0	2	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	1
Văn hóa ẩm thực	0	0	0	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	0	0	2	0	1	0	2	2	2	0	1	1	1	0
Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	0	0	2	0	1	0	2	2	2	0	1	1	1	0
Tổng quan khách sạn	0	2	1	1	1	2	0	1	1	0	0	0	0	2
Quản trị dịch vụ	0	2	2	0	2	2	0	2	2	1	2	2	0	2
Tổ chức sự kiện	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
Giao dịch và đàm phán kinh doanh	0	2	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
Quản trị kinh doanh khách sạn	0	3	2	0	3	0	0	1	2	2	2	2	2	2
Quản trị lễ tân khách sạn	0	0	3	0	3	0	0	3	0	2	2	1	2	0
Quản trị buồng khách sạn	0	0	3	0	3	0	0	3	0	2	2	1	2	0
Quản trị chế biến món ăn	0	0	3	3	2	0	0	3	0	2	2	0	2	0
Quản trị nhà hàng	0	0	3	2	3	0	0	3	0	2	2	0	2	0
An ninh khách sạn	0	0	2	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Quản trị thương hiệu	0	1	1	0	2	0	0	1	2	2	2	1	0	0
Quản trị khu Resort	0	0	0	0	0	0	0	1	1	2	0	0	0	0
Nguyên lý kế toán	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
Quản trị Bar và Đồ uống	0	0	3	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0
Quản trị nhân lực	0	2	2	0	2	2	0	0	2	2	2	1	2	0
Quản trị kinh doanh lễ hành	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0

Xây dựng thực đơn	0	0	3	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0
Tâm lý khách du lịch	0	1	2	2	2	0	1	2	2	0	0	0	0	0
Ứng dụng CNTT trong Du lịch	0	0	0	0	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0
Lễ tân ngoại giao	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Du lịch bền vững	0	0	0	0	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0
Thực tế chuyên ngành 1	0	0	1	1	1	1	0	2	2	1	1	2	1	2
Thực tế chuyên ngành 2	0	0	1	1	1	1	0	2	2	1	1	2	1	2
Thực tập doanh nghiệp 1	0	0	1	1	1	1	0	2	2	1	2	3	2	3
Thực tập doanh nghiệp 2	0	0	1	1	1	1	0	2	2	1	2	3	2	3
Thực tập nghề cuối khóa	0	0	2	1	2	2	2	3	3	2	3	3	3	3

Ghi chú: 0- không đóng góp; 1- Đóng góp thấp; 2- Đóng góp trung bình; 3- Đóng góp cao 3

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2019

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU



Lê Thanh Hà

TRƯỞNG KHOA

Trần Nhật Hải

